TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1-HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2025/HNGĐ-ST
Ngày 22 tháng 9 năm 2025
"V/v ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-HƯNG YÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Dũng và bà Lê Thị Huyền.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng-Thẩm tra viên Tòa án, Toà án nhân dân khu vực 1-Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Hưng Yên tham gia phiên toà: Ông Trần Văn Mừng-Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1-Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 69/2023/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2025/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Bùi Đăng B, sinh năm 1976.

Nơi cư trú: thôn Đ, xã Đ, tỉnh H.

Bị đơn: Chị Trần Thị S, sinh năm 1979.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Đ, xã Đ, tỉnh H.

Hiện đang chấp hành án tại Phân trại số 1-Trại giam X-Cục C10 Bộ Công an.

Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1958.

Địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, tỉnh H.

Cháu Bùi Trần Quang M, sinh ngày 10/11/2005 và cháu Bùi Trần Hoàng S, sinh ngày 21/10/2006.

Cùng địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, tỉnh H.

Các đương sự đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình điều tra các đương sự trình bầy:

Anh Bùi Đăng B và chị Trần Thị S kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện P, tỉnh H nay là xã Đ, tỉnh H vào ngày 07/01/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau về lối sống nên vợ chồng hay sảy ra cãi chửi nhau, chị S không ở cùng anh B mà bỏ đi làm ăn. Đến tháng 7 năm 2023,

chị S vi phạm pháp luật và hiện đang chấp hành án tại Trại giam X. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều nhưng không có kết quả, anh B cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn chị S, chị S cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh B, chị S đều trình bầy: Vợ chồng có hai con chung là cháu Bùi Trần Quang M, sinh ngày 10/11/2005 và cháu Bùi Trần Hoàng S, sinh ngày 21/10/2006. Cháu M, cháu S đã đủ 18 tuổi nên anh B, chị S đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu M, cháu S không có yêu cầu gì và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Về tài sản chung, nợ, công sức, ruộng cấy: Anh B, chị S đều trình bầy không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà M là mẹ đẻ chị S cũng có quan điểm vợ chồng anh B, chị S đã mâu thuẫn trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Bà M không có yêu cầu gì.

Ngoài ra các đương sự không còn yêu cầu nào khác.

Các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa: Các đương sự đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Hưng Yên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Các đương sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ trong quá trình giải quyết vụ án.

Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là đúng pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của anh B.

Xử cho anh B ly hôn chị S.

Về con chung, tài sản chung, nợ, công sức, ruộng cấy: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Trần Thị S đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã Đ, tỉnh H và hiện đang chấp hành án tại Trại giam X. Chị S nhất trí Tòa án nhân dân khu vực 1-Hưng Yên giải quyết vụ án nên căn cứ theo điểm b, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 1-Hưng Yên giải quyết vụ án này. Các đương sự đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Đăng B và chị Trần Thị S kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, tỉnh H ngày 07/01/2005 do vậy quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Căn cứ lời trình bầy của các đương sự, người làm chứng và các chứng cứ khác đã thu thập được thì có căn cứ xác định: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Sau đó chị S vi phạm pháp luật và đang chấp hành án tại Trại giam X. Anh B cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn, chị S cũng nhất trí ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng anh, chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống ly thân nhau đã lâu vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh B, chị S để các bên sớm ổn định cuộc sống.

[3]. Về con chung: Căn cứ lời trình bầy của các đương sự và các chứng cứ đã thu thập thì vợ chồng có hai con chung là cháu Bùi Trần Quang M, sinh ngày 10/11/2005 và cháu Bùi Trần Hoàng S, sinh ngày 21/10/2006. Cháu M, cháu S đã đủ 18 tuổi. Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, Cháu M, cháu S không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét.

[4]. Về tài sản chung: Anh B, chị S đều trình bầy không có gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5]. Về nợ chung: Anh B, chị S đềutrình bầy vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6]. Về công sức, ruộng cấy: Anh B, chị S đều khẳng định không có gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[7]. Về án phí: Anh B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8]. Các vấn đề khác Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, Điều 227, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Đăng B và chị Trần Thị S.

Về con chung: Anh B, chị S có hai con chung là cháu Bùi Trần Quang M, sinh ngày 10/11/2005 và cháu Bùi Trần Hoàng S, sinh ngày 21/10/2006. Cháu M, cháu S đã đủ 18 tuổi, trưởng thành. Các đương sự đều không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung: Anh B, chị S đều trình bầy không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về nợ: Anh B, chị S đều trình bầy vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về công sức, ruộng cấy: Anh B, chị S đều khẳng định không có gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Anh B phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn, đối trừ vào số tiền 300.000 đồng anh B đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006305 ngày 13/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên nay là Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, anh B đã nộp đủ án phí ly hôn. Hoàn trả anh B 150.000 đồng.

Các vấn đề khác Hội đồng xét xử không xét.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án sơ thẩm.

Nơi nhận:
-Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
-Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ, tỉnh H;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Văn Tuấn